

Bản án số: 111/2022/ HS-ST

Ngày 28 - 9 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Toàn;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Tuấn và bà Dương Thị Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:*** Ông Đàm Hoàng Sơn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2022/TLST- HS, ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Nguyễn Đình P- Sinh ngày: 23/8/1993 tại huyện P, tỉnh T. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Đình T - Sinh năm: 1969 và bà: Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1970. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm: 1993 và 01 con nhỏ sinh năm 2020.

*Tiền án:* Có 01 tiền án:

- Tại bản án số 100/2012/HSST ngày 15/11/2012 bị TAND huyện P, tỉnh T xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 26/4/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa P(Hiện chưa được xóa án tích).

*Tiền sự:* Có 01 tiền sự:

- Ngày 28/2/2022 Công an huyện P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đình P về hành vi “Trộm cắp tài sản”, mức phạt 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), đến nay P chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị hại:*** Bà Dương Thị G, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Xóm G, xã U, huyện P, tỉnh T.

( Vắng mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Dương Văn M, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh T;

(Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 00 ngày 11/3/2022, Nguyễn Đình P một mình đi từ nhà thuộc xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh T ra khu vực cánh đồng gần nhà thuộc xóm N, xã Đ, huyện P để tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Khi đi đến cánh Đồng P thấy có 01 chiếc xe đạp loại xe nữ, màu bạc, của chị Dương Thị G (Sinh năm 1971, trú tại xóm Giữa, xã U, huyện P, tỉnh T) để tại khu vực bờ ruộng cách cầu N khoảng 100m. P quan sát xung quanh không có người trông coi, đã tiến lại gần dắt chiếc xe đạp đi, sau đó điều khiển xe đi đến quán thu mua phế liệu của anh Dương Văn M (Sinh năm 1987, trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện P) để bán chiếc xe đạp trên cho anh M được số tiền 170.000 đồng. Sau khi lấy được tiền bán xe, P về và đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị G nghi ngờ anh Nguyễn Đình P là người đã lấy trộm chiếc xe của mình và đã thông báo cho chồng là anh Dương Văn Q (Sinh năm 1972, trú tại xóm Giữa, xã U, huyện P) biết sự việc. Sau đó, anh Q đã có đơn trình báo sự việc đến Công an xã Đ đề nghị xử lý theo quy định. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã Đ đã thành lập tổ công tác rà soát các đối tượng nghi vấn. Đến buổi chiều cùng ngày sau khi triệu tập Nguyễn Đình P đến Công an xã Đ để làm việc thì P đã khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của mình nên Công an xã Đ, huyện P đã chuyển toàn bộ hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 11/3/2022 anh Dương Văn M là chủ cơ sở kinh doanh thu mua phế liệu đã giao nộp chiếc xe đạp mà anh M đã mua của P ngày 11/3/2022 cho Công an xã Đ để xử lý theo quy định pháp luật.

Ngày 26/4/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản số 41 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện P định giá 01 chiếc xe đạp, loại xe nữ, màu bạc, xe cũ đã qua sử dụng.

Ngày 29/4/2022, Hội đồng Định giá tài sản huyện P đã ban hành kết luận định giá tài sản số 45, kết luận giá trị tài sản định giá chiếc xe đạp là 333.000 (Ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Đình P đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 99/CT-VKSPB, ngày 09-9-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T truy tố bị cáo Nguyễn Đình P về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo điểm a khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo, bị cáo Nguyễn Đình P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, vì bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản (Trộm cắp tài sản) mà còn hành vi trộm cắp chiếc xe đạp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Dương Thị G có trị giá là 333.000 đồng.

*Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:*

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P từ 15 - 18 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh T; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 11/3/2022 tại khu vực cánh đồng thuộc xóm N, xã Đ, huyện P, tỉnh T, bị cáo Nguyễn Đình P đã có hành vi trộm 01 chiếc xe đạp, loại xe nữ màu bạc là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị G có trị giá là 333.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe đạp nêu trên, bị cáo đã mang đi bán cho anh Dương Văn m lấy số tiền 170.000 đồng. Tuy trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng xét bản thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản (Chưa được coi là chưa bị xử lý hành chính theo quy định pháp luật), nay lại tiếp tục phạm tội chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của BLHS. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Đình P về tội danh và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

**Nội dung điều luật như sau:**

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

...

**[3]** Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là ít nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Sau khi vụ, việc bị phát hiện, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Dương Văn Mạnh số tiền 170.000 đồng (Số tiền anh Mạnh mua xe đạp do bị cáo phạm tội mà có), nên bị cáo nên bị cáo còn được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích theo quy định, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về nhân thân, thấy bị cáo là người nghiện chất ma túy, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm tài sản, nay lại tiếp tục phạm tội có cùng tính chất, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu và coi thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng ... Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại*: Chiếc xe đạp bị cáo chiếm đoạt của bà Dương Thị G đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra bà G không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về việc bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với anh Dương Văn M đã có hành vi mua chiếc xe đạp do bị cáo trộm cắp được của bà Dương Thị G với số tiền 170.000 đồng. Sau khi vụ việc bị phát hiện anh M đã tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại này cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo quy định. Quá trình điều tra, anh M yêu cầu bị cáo trả lại số tiền nêu trên. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã tự nguyện trả lại cho anh Mạnh số tiền nêu trên. Anh M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M xác định đã được bồi thường số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

[6] Đối với anh Dương Văn M khi thực hiện giao dịch mua bán tài sản do bị cáo phạm tội mà có, bản thân anh M không biết nguồn gốc đó tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh M về hành vi này là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính đối với bị cáo ... là phù hợp với các quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[8] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình P với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu một khoản án phí Hình sự sơ thẩm nộp vào nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS đối với bị cáo Nguyễn Đình P.

- Khoản 2 Điều 136, các Điều 329, 331, 333 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt tạm giam ngày 13/8/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 của BLHS.

3. Ra Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình P với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Việc bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đình P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại (Bà Dương Thị G) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Dương Văn M) có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh T;
- VKSND, THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Toàn**